TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:70/2019/HNGĐ-ST Ngày: 20-9-2019 V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh
2. Bà Trần Thị Kim Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vi Văn D, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 249/88 Tổ 4, Khu A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị X, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 249/88 Tổ 4, KhuA, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Ông Vi Văn D và bà Vũ Thị X là vợ chồng, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01, ngày 27/02/2011 tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vả, ông D đã cố gắn hàn gắng nhưng không cải thiện được tình cảm vợ chồng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông D được ly hôn với bà X.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Vi Hoàng B, sinh ngày 23/01/2015. Khi ly hôn ông D yêu cầu được nuôi con chung là Vi Hoàng B. Trường hợp con chung sinh sống cùng bà X, ông D đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông Vi Văn D, Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao), giấy khai sinh cháu Vi Hoàng B (bản sao công chứng).

Bị đơn trình bày: Thống nhất ông D về thời gian kết hôn, cũng như thời gian vợ chồng chung sống và vấn đề con chung. Bà X xác định còn yêu thương chồng muốn đoàn tụ để có thời gian hàn gắn. Hiện nay con còn nhỏ và bà không muốn con mất đi tình thương của cha mẹ. Trường hợp ly hôn, bà X đồng ý nuôi con và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đủ các thủ tục tố tụng. Vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng đối với bị đơn trong quá trình tòa án thụ lý giải quyết, bị đơn vắng mặt nhưng có mặt tại phiên tòa, như vậy bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung khác. Đối với quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông D và bà X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T. Nay ông D có đơn xin ly hôn với bà X và có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự .

[1.2] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Ngày 19/8/2019 nguyên đơn ông Vi Văn D có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Các vấn đề có tranh chấp: Ông D và bà X là vợ chồng, sống chung có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào ngày 27/02/2011 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông D cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, từ tháng 10/2017 đến nay phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm gì đến

cuộc sống của nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn và không thể hàn gắng, hôn nhân không thể kéo dài nên ông D yêu cầu được ly hôn. Bà X mong muốn vợ chồng đoàn tụ để chung sống nuôi dạy con nhưng không đưa ra biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ tình cảm vợ chồng, ông D cương quyết yêu cầu được ly hôn. Xét, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tự nguyện của hai bên, mục đích của hôn nhân là cả vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, bà X mong muốn đoàn tụ, ông D cương quyết ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng của ông D bà X được xem đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của ông D về việc xin ly hôn với bà X là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Vi Hoàng B, sinh ngày 23/01/2012, khi ly hôn ông D đồng ý để bà X nuôi con. Xét, cháu B hiện còn nhỏ, tại biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2019, cháu B có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, khi ly hôn việc giao con cho mẹ nuôi là phù hợp với cuộc sống hiện tại của cháu. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử giao cháu Vi Hoàng B cho bà Vũ Thị X chăm sóc nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà X yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng. Xét việc cấp dưỡng nuôi con khi cha mẹ ly hôn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Tuy nhiên, bà X yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng nhưng không chứng minh được thu nhập của ông D là đủ khả năng để có thể cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng. Do đó yêu cầu của bà X về cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng là không đủ cơ sở để chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của ông D và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Vi Văn D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vi Văn D về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn bà Vũ Thị X.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 25 quyển số 01 do UBND phường P, thành phố T cấp ngày 27/02/2011 cho ông Vi Văn D và bà Vũ Thị X không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao bà Vũ Thị X được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Vi Hoàng B, sinh ngày 23/01/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Vi Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không ai được quyền cản trở ông Vi Văn D trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này khi cần thiết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình: Ông Vi Văn D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0034107 ngày 17/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

- Án phí cấp dưỡng: Ông Vi Văn D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- UBND p. P, tp. T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thảo